TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25- 5 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 660/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T', sinh năm 1982, trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T' xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện A. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thôn P, xã T, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, vợ chồng không thông cảm, quan tâm nhau nên nhiều lần xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, anh T' nhiều lần đánh chị. Năm 2015 chị làm đơn ly hôn anh T' nhưng được Tòa án hòa giải chị rút đơn về đoàn tụ với anh T' nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mặc dù gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xét tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T' nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T'.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T' có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Hoàng Minh Đ, chị nhường anh T' nuôi con Hoàng Trung H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ: Chị tự thỏa thuận với anh T', chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T' có lời khai trình bày: Anh nhất trí với chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 con chung, trong quá trình chung đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tH tin tưởng nhau, không thông cảm với nhau. Anh đi làm chị T ở nhà có mối quan hệ bạn bè gây ra điều tiếng xấu cho anh. Năm 2015 chị T làm đơn xin ly hôn anh nhưng được Tòa án hòa giải vợ chồng anh về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng anh tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tết năm 2018 đến nay. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh xin đoàn tụ với chị T.

Về con chung: Anh T' nhất trí với chị T có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Anh xin đoàn tụ vợ chồng nuôi con chung. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T' tự thỏa thuận với chị T, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con, bị đơn là anh Hoàng Văn T' đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị T vắng mặt

nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T' không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T'; về con chung: Chị T và anh T' có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con Hoàng Minh Đ; giao cho anh Hoàng Văn T' nuôi con Hoàng Trung H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T' không yêu cầu giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T' vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T'.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T' đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần xảy ra xung đột xô xát, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Năm 2015 chị T làm đơn ly hôn anh T' nhưng sau đó rút đơn vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã và sống ly thân với anh T' từ đầu năm 2018 đến nay. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T', anh T' xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa anh T' đều vắng mặt. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T' đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị ly hôn với anh T' là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét

xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T' có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 và Hoàng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Hoàng Minh Đ, chị nhường anh T' nuôi con Hoàng Trung H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại lời khai của anh T' đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh chị tranh chấp nhau về việc nuôi con. Xét chị T và anh T' đều là lao động tự do và có nơi ở đảm bảo nuôi con, cháu Hoàng Trung H trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với anh T', Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với thực tế và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T' tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T'.

2. Về con chung: Giao con Hoàng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng; giao con Hoàng Trung H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 cho anh Hoàng Văn T' nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002806

ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn T' có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn